

QUYẾT ĐỊNH

Quy định quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 64/2024/TT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 913/TTr-SCT ngày 11 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 46/2012/TT-BCT quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Đề án khuyến công địa phương* theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

b) *Đơn vị thực hiện đề án* là các tổ chức, cá nhân lập đề án khuyến công địa phương và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

c) *Đơn vị thụ hưởng* là tổ chức, cá nhân được thụ hưởng trực tiếp từ kết quả của việc triển khai đề án khuyến công địa phương. Trong trường hợp đơn vị thụ hưởng tự lập đề án khuyến công địa phương thì đơn vị thụ hưởng chính là đơn vị thực hiện đề án.

d) *Nhiệm vụ khuyến công thường xuyên* là các nhiệm vụ khuyến công của tỉnh do Trung tâm khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công Thương tổ chức thực hiện thường xuyên hàng năm để phục vụ chung cho hoạt động khuyến công của tỉnh.

đ) *Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp* theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

e) *Sản xuất và tiêu dùng bền vững* theo quy định tại khoản 5a Điều 2 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

g) *Chuyển đổi số trong hoạt động khuyến công* theo quy định tại khoản 5b Điều 2 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Phương thức thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương

1. Các đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương thực hiện theo pháp luật về đấu thầu (nếu đủ điều kiện theo quy định) gồm: Tổ chức hội chợ, triển lãm; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm nước ngoài; hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại các cụm công nghiệp.

2. Ngoài các đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương thực hiện theo pháp luật về đấu thầu quy định tại khoản 1 Điều này, các đề án, nhiệm vụ khác thực hiện theo phương thức xét chọn được quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công địa phương

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 5. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công địa phương

Kinh phí khuyến công địa phương đảm bảo chi cho những hoạt động khuyến công do Sở Công Thương quản lý và tổ chức thực hiện đối với hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn (viết tắt là CNNT) trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Nội dung và quy định chi tiết cho hoạt động khuyến công địa phương

1. Nội dung hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

2. Quy định chi tiết một số nội dung hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2017/TT-BCT.

Điều 7. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 28/2018/TT-BTC hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ KHUYẾN CÔNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ QUẢN LÝ KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. Nguyên tắc lập đề án khuyến công địa phương

1. Phù hợp với chủ trương, chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Đảng, Nhà nước; phù hợp với quy hoạch tỉnh và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã, phường, đặc khu.

2. Phù hợp với đối tượng, nội dung hoạt động khuyến công, danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP; phù hợp mức chi cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

3. Phù hợp với Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn do Ủy ban nhân dân tỉnh (viết tắt là UBND tỉnh) phê duyệt.

4. Phù hợp với Thông tư hướng dẫn và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về hoạt động khuyến công.

Điều 9. Nội dung cơ bản của đề án khuyến công địa phương

Đề án khuyến công địa phương có những nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện.

2. Sự cần thiết và căn cứ của đề án.

3. Mục tiêu: Nêu cụ thể những mục tiêu của đề án cần đạt được.

4. Quy mô đề án: Nêu quy mô của đề án; nêu tóm tắt các đặc điểm vượt trội nội dung chính của đề án như về công nghệ, máy móc, sản phẩm hoặc nội dung khác đề xuất hỗ trợ.

5. Nội dung và tiến độ: Xác định rõ nội dung công việc cần thực hiện và tiến độ thực hiện; tổ chức, cá nhân thực hiện theo các nội dung công việc.

6. Dự toán kinh phí chi tiết.

7. Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án.

8. Hiệu quả của đề án: Nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường (nếu có), tính bền vững, khả năng nhân rộng (nếu có) của đề án sau khi kết thúc hỗ trợ.

Điều 10. Tiêu chí chung và tiêu chí ưu tiên lựa chọn đề án khuyến công địa phương

1. Tiêu chí chung

a) Phù hợp với nguyên tắc lập đề án theo quy định tại Điều 8 Quyết định này.

b) Nội dung hoạt động khuyến công có tác động khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Tiêu chí ưu tiên

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Trình tự xây dựng kế hoạch khuyến công địa phương

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (viết tắt là UBND cấp xã) rà soát nhu cầu thực hiện đề án khuyến công địa phương của các cơ sở CNNT trên địa bàn, gửi đăng ký về Sở Công Thương.

2. Căn cứ vào nhu cầu đăng ký thực hiện đề án khuyến công địa phương của UBND cấp xã và chương trình khuyến công của tỉnh, Sở Công Thương chủ trì tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch khuyến công của năm.

3. Sở Công Thương lập dự toán kinh phí khuyến công gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí/giao dự toán theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 12. Tổ chức rà soát, xét chọn và thẩm định đề án khuyến công địa phương

1. Trên cơ sở nhu cầu thực hiện đề án khuyến công địa phương của các cơ sở CNNT trên địa bàn, UBND cấp xã tổng hợp và gửi danh mục đề xuất về Sở Công Thương để phục vụ công tác xây dựng kế hoạch khuyến công hằng năm.

Các tài liệu gửi kèm danh mục đề xuất nhằm phục vụ việc xem xét, đánh giá tính cần thiết, tính khả thi, hiệu quả và sự phù hợp của đề án với các quy định về khuyến công, bao gồm:

a) Văn bản của UBND cấp xã tổng hợp nhu cầu đề xuất hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương;

b) Thuyết minh đề án khuyến công địa phương được xây dựng theo quy định tại Điều 9 Quyết định này và các tài liệu liên quan chứng minh năng lực thực hiện, ngành nghề hoạt động, hiện trạng sản xuất, nhu cầu đầu tư, đổi mới công nghệ hoặc các nội dung đề nghị hỗ trợ;

c) Các tài liệu có liên quan theo quy định pháp luật và theo yêu cầu cụ thể của nội dung hỗ trợ, không làm phát sinh thành phần hồ sơ ngoài quy định.

2. Căn cứ kế hoạch khuyến công và khả năng cân đối nguồn kinh phí được giao, Sở Công Thương giao Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công

nghiệp rà soát, tổng hợp các đề xuất, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đánh giá thực tế tại cơ sở công nghiệp nông thôn.

Việc đánh giá thực tế được lập thành biên bản làm cơ sở phục vụ công tác xét chọn, thẩm định và xác định mức kinh phí hỗ trợ.

3. Sở Công Thương quyết định thành lập Tổ kiểm tra để thực hiện việc rà soát, đánh giá thực tế đối với các đề xuất hỗ trợ khuyến công địa phương.

Tổ kiểm tra gồm đại diện Phòng Quản lý công nghiệp thuộc Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp.

4. Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá thực tế và khả năng cân đối nguồn kinh phí, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tổng hợp các đề án đủ điều kiện để báo cáo Hội đồng thẩm định xem xét.

5. Hội đồng thẩm định đề án khuyến công địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương. Thành phần Hội đồng thẩm định bao gồm: đại diện Sở Công Thương (gồm: Lãnh đạo Sở Công Thương, Lãnh đạo Phòng Quản lý công nghiệp, Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp), đại diện Văn phòng UBND tỉnh, đại diện Sở Tài chính, đại diện Sở Khoa học và Công nghệ; đối với các đề án khuyến công xử lý môi trường tại các cơ sở CNNT mời đại diện Sở Nông nghiệp và Môi trường tham gia thành viên Hội đồng.

Kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng thẩm định được bố trí, sử dụng trong phạm vi dự toán kinh phí khuyến công địa phương được cấp có thẩm quyền giao cho Sở Công Thương quản lý, tổ chức thực hiện; việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khuyến công và các chế độ chi tiêu hiện hành.

6. Hội đồng thẩm định xem xét, đánh giá các nội dung chủ yếu sau:

a) Sự phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển công nghiệp nông thôn và chương trình khuyến công của tỉnh;

b) Sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả kinh tế - xã hội của đề án;

c) Năng lực tổ chức thực hiện của đơn vị thực hiện và đơn vị thụ hưởng;

d) Khả năng huy động các nguồn lực thực hiện;

đ) Mức kinh phí hỗ trợ dự kiến và khả năng cân đối nguồn kinh phí khuyến công địa phương.

7. Trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Sở Công Thương tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt đề án khuyến công địa phương và mức kinh phí hỗ trợ thực hiện đề án sau khi kinh phí đã được cấp có thẩm quyền bố trí/giao dự toán theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 13. Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai đề án khuyến công địa phương

1. Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án khuyến công địa phương, đơn vị thực hiện đề án phải có văn bản gửi cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã được giao phụ trách lĩnh vực công thương

(trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện đề án). Cơ quan chuyên môn tham mưu UBND cấp xã có văn bản gửi Sở Công Thương đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án.

2. Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án của UBND cấp xã, Sở Công Thương xem xét phê duyệt hoặc trình UBND tỉnh phê duyệt, cụ thể như sau:

Sở Công Thương trình UBND tỉnh phê duyệt đối với các đề nghị điều chỉnh: Thay đổi mức kinh phí hỗ trợ; thay đổi nội dung hoạt động khuyến công; gia hạn thời gian thực hiện đề án sang năm tiếp theo; bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án để điều chỉnh kinh phí hỗ trợ giữa các đơn vị thực hiện trong năm ngân sách; thay đổi đơn vị thụ hưởng, địa điểm triển khai đề án.

Sở Công Thương phê duyệt các đề nghị điều chỉnh kỹ thuật không làm thay đổi mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, địa bàn, nội dung và mức hỗ trợ.

3. Đối với các đề án có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được mục tiêu, nội dung theo đề án được phê duyệt, Sở Công Thương trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

CHƯƠNG III

HỢP ĐỒNG, NGHIỆM THU, THANH LÝ HỢP ĐỒNG, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ VÀ CHỨNG TỪ CHI ĐỐI VỚI MỘT SỐ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

Điều 14. Ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng

1. Sau khi có kết quả phê duyệt đề án và kinh phí hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Công Thương giao Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tiến hành ký kết hợp đồng với đơn vị thực hiện đề án.

2. Căn cứ hợp đồng đã ký kết, khi hoàn thành khối lượng, số lượng công việc theo hợp đồng, đơn vị thực hiện đề án báo cáo tiến độ thực hiện đề án (kèm các hóa đơn, chứng từ). Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp sẽ phối hợp với Hội đồng thẩm định tỉnh và đại diện UBND cấp xã trên địa bàn thực hiện đề án, tổ chức nghiệm thu đề án khuyến công theo khối lượng, số lượng công việc đã được phê duyệt.

3. Thanh lý hợp đồng

a) Chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi nghiệm thu đề án trong hợp đồng, đơn vị thực hiện đề án phải hoàn thành việc lập hồ sơ quyết toán theo quy định.

b) Trường hợp không hoàn thành các yêu cầu về mục tiêu, nội dung, kết quả, thời gian thực hiện của hợp đồng thực hiện đề án vì lý do bất khả kháng, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp xem xét quyết toán theo khối lượng công việc đã thực hiện.

Hồ sơ để thanh lý, quyết toán hợp đồng trong trường hợp này gồm: Văn bản giải trình của đơn vị thực hiện đề án; chứng từ liên quan đến khối lượng công việc đã thực hiện.

Điều 15. Quyết toán kinh phí và chứng từ chi

Hồ sơ thanh toán, quyết toán, chứng từ chi thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán, hóa đơn, chứng từ, Thông tư của Bộ Tài chính về kinh phí khuyến công và nội dung hợp đồng đã ký.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập đề án khuyến công địa phương. Tổ chức, hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch khuyến công địa phương được phê duyệt và thanh quyết toán kinh phí khuyến công địa phương.

2. Tổ chức thực hiện đấu thầu (đối với các đề án, nhiệm vụ phải thực hiện đấu thầu do Giám đốc Sở Công Thương giao cho Trung tâm khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thực hiện). Tổ chức nghiệm thu các đề án khuyến công được giao theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các đề án khuyến công địa phương và việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công địa phương.

4. Lập chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến công địa phương trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện những nội dung quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 235/2025/NĐ-CP và thực hiện hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân các nội dung, mức chi theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND quy định mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh An Giang.

5. Quản lý, theo dõi và tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công địa phương trên phạm vi toàn tỉnh, báo cáo Bộ Công Thương và UBND tỉnh theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Hằng năm, căn cứ vào chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ khuyến công đã được UBND tỉnh phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với Sở Công Thương và các địa phương, tham mưu cấp có thẩm quyền về nguồn kinh phí thực hiện theo phân cấp, quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Cử đại diện tham gia Hội đồng thẩm định đề án khuyến công của tỉnh; tham gia nghiệm thu đối với đề án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở hoặc theo đề nghị của Sở Công Thương.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Cử đại diện tham gia Hội đồng thẩm định đề án khuyến công của tỉnh; tham gia nghiệm thu đối với đề án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở hoặc theo đề nghị của Sở Công Thương.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Cử đại diện tham gia Hội đồng thẩm định đề án khuyến công xử lý môi trường tại các cơ sở CNNT của tỉnh; tham gia nghiệm thu đối với đề án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở hoặc theo đề nghị của Sở Công Thương.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, nhiệm vụ chỉ được cấp có thẩm quyền giao và quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, UBND cấp xã lập dự toán kinh phí khuyến công địa phương thuộc nhiệm vụ của cấp xã, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Hằng năm, rà soát nhu cầu thực hiện đề án khuyến công địa phương của các cơ sở CNNT trên địa bàn gửi Sở Công Thương tổng hợp.

3. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phụ trách lĩnh vực công thương thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quyết định này trong phối hợp thực hiện các đề án khuyến công trên địa bàn từ nguồn ngân sách tỉnh.

4. Tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công địa phương trên địa bàn cấp xã cho UBND tỉnh (thông qua Sở Công Thương tổng hợp).

Điều 21. Trách nhiệm của cơ sở công nghiệp nông thôn thực hiện đề án khuyến công địa phương

1. Cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng đề án khuyến công địa phương và cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ công tác rà soát, xét chọn, thẩm định, tổ chức thực hiện và quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

2. Tổ chức thực hiện đúng đề án khuyến công địa phương theo các nội dung đã được phê duyệt, các điều khoản của hợp đồng ký kết và các quy định hiện hành. Sử dụng kinh phí đúng dự toán, đảm bảo hiệu quả và báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan chuyên môn phụ trách lĩnh vực công thương thuộc UBND cấp xã, Sở Công Thương theo quy định.

Điều 22. Kiểm tra, giám sát, thông tin báo cáo

1. Sở Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra định kỳ, đột xuất; giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí không đúng mục đích hoặc thực hiện không đúng nội dung được phê duyệt thì xử lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, đánh giá định kỳ báo cáo UBND tỉnh về việc thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công trong phạm vi toàn tỉnh.

3. Cơ quan chuyên môn phụ trách lĩnh vực công thương thuộc UBND cấp xã có trách nhiệm theo dõi, đánh giá, định kỳ 6 tháng báo cáo Sở Công Thương về hoạt động khuyến công tại địa phương.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 8 năm 2026 và thay thế Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan phải bảo đảm thực hiện đúng Quyết định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Tquel*

Nơi nhận: *Duy*

- Bộ Công Thương;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- UBND cấp xã;
- LĐVP, P.KT;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, ntduy

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phong